

Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 14 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phan T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 02, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị Tiểu L, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: Nhà số 61/45 đường SNA, phường 2, thành phố TA, tỉnh Long An.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L đăng ký hôn vào ngày 21/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Tiểu L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Tiểu L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Tiểu L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Tiểu L.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phan Hoàng Th, sinh ngày

09/01/2017. Hai bên thỏa thuận giao chị Trần Thị Tiểu L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Th; Anh Phan T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Thiên đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L thuận tình ly hôn.
- Về con chung và việc nuôi con: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phan Hoàng Th, sinh ngày 09/01/2017. Hai bên thỏa thuận giao chị Trần Thị Tiểu L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Th cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Phan T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Thiên đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Tiểu L có đơn yêu cầu thi hành án, anh Phan T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Phan T và chị Trần Thị Tiểu L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Phan T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/001239 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Trần Thị Tiểu L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/001240 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều

7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã TP (ĐKKH ngày 21/4/2017);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÍ)

Mai Văn Phú